SỞ GD & ĐT QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN CỪ
(Đề này gồm 3 trang)

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2020 -2021
Môn: Toán. Lớp : 11
Thời gian: 60 phút (*không kể thời gian giao đề*)

MÃ ĐỀ 111

A. TRẮC NGHIỆM: (*7 điểm*)

Câu 1. Chọn đáp án **đúng** trong các đáp án sau ?

A. $\lim u_n = +\infty$ nếu $\lim(u_n - a) = 0$.
B. $\lim u_n = 0$ nếu $\lim(u_n - a) = 0$.
C. $\lim(u_n - a) = 0$ nếu $\lim u_n = +\infty$.
D. $\lim u_n = a$ nếu $\lim(u_n - a) = 0$.

Câu 2. Cho dãy số (u_n) thỏa mãn $\lim(u_n - 2021) = 0$. Giá trị của $\lim u_n$ bằng

A. $+\infty$. **B.** 0. **C.** -2021. **D.** 2021.

Câu 3. Dãy nào sau đây có giới hạn bằng 0 ?

A. $\left(\frac{5}{3}\right)^n$. **B.** $\left(\frac{1}{3}\right)^n$. **C.** $\left(-\frac{5}{3}\right)^n$. **D.** $\left(-\frac{4}{3}\right)^n$.

Câu 4. Tổng của $S = 1 + \frac{1}{2} + \frac{1}{4} + \frac{1}{8} + ... + \frac{1}{2^n} + ...$ bằng

A. 2. **B.** $2\sqrt{2}$. **C.** $\frac{1}{2}$. **D.** $\sqrt{2}+1$.

Câu 5. Trong các giới hạn sau, giới hạn nào có giá trị bằng 1 ?

A. $\lim\frac{3n+1}{-3n-3}$. **B.** $\lim\frac{1-n}{n+2}$. **C.** $\lim\frac{1+n}{n-1}$. **D.** $\lim\left(-1+\frac{2}{n}\right)$.

Câu 6. Kết quả của giới hạn $\lim\limits_{x\to-\infty}\frac{1}{x^k}$ (với k nguyên dương) là

A. 0. **B.** $+\infty$. **C.** x. **D.** $-\infty$.

Câu 7. Cho $\lim\limits_{x\to x_0} f(x) = L \neq 0$. Trong các mệnh đề sau, mệnh đề nào **sai**?

A. $\lim\limits_{x\to x_0}\left[f(x)\right]^2 = L^2$.
B. $\lim\limits_{x\to x_0}\left(\frac{1}{f(x)}\right) = \frac{1}{L}$.
C. $\lim\limits_{x\to x_0}\sqrt{f(x)} = \sqrt{L}$.
D. $\lim\limits_{x\to x_0}\sqrt[3]{f(x)} = \sqrt[3]{L}$.

Câu 8. Cho giới hạn $\lim\limits_{x\to1} f(x) = 2$. Khi đó $\lim\limits_{x\to1}\left[3f(x) - 5\right]$ bằng

A. -1. **B.** 2. **C.** -2. **D.** 1.

LIVEWORKSHEETS

Câu 9. Tính $M=\lim\limits_{x\to 1}\left(3x^2-2x-1\right)$.

A. 1. **B.** $+\infty$. **C.** 0. **D.** 2.

Câu 10. Cho hàm số $f(x)=\begin{cases}-x^2+1 \text{ khi } x\le 1\\ x+1 \quad \text{khi } x>1\end{cases}$. Khi đó $\lim\limits_{x\to 1^+} f(x)$ bằng

A. 0. **B.** 2. **C.** 1. **D.** -2.

Câu 11. Tính $N=\lim\limits_{x\to+\infty}\left(\sqrt{x^2+1}-x\right)$.

A. 0. **B.** $+\infty$. **C.** $\frac{1}{2}$. **D.** $-\infty$.

Câu 12. Cho hàm số $f(x)$ xác định trên khoảng K chứa a. Hàm số $f(x)$ liên tục tại $x=a$ nếu

A. $f(x)$ có giới hạn hữu hạn khi $x\to a$. **B.** $\lim\limits_{x\to a^+} f(x)=\lim\limits_{x\to a^-} f(x)=+\infty$.

C. $\lim\limits_{x\to a} f(x)=f(a)$. **D.** $\lim\limits_{x\to a^+} f(x)=\lim\limits_{x\to a^-} f(x)=a$.

Câu 13. Phương trình $x^3+2x-5=0$ có nghiệm thuộc khoảng nào sau đây?

A. $(0,1)$. **B.** $(0,2)$. **C.** $(2,3)$. **D.** $(-1,0)$.

Câu 14. Hàm số nào sau đây không liên tục tại $x=0$?

A. $f(x)=\dfrac{x^2+x+1}{x-1}$. **B.** $f(x)=\dfrac{x^2+x+1}{x}$. **C.** $f(x)=\dfrac{x^2+x}{x+2}$. **D.** $f(x)=\dfrac{x^2+x}{x-1}$.

Câu 15. Mặt bên của hình lăng trụ là hình gì?

A. Tam giác. **B.** Hình thang. **C.** Hình chữ nhật. **D.** Hình bình hành.

Câu 16. Trong không gian, cho đường thẳng a và hai mặt phẳng phân biệt (P) và (Q). Mệnh đề nào dưới đây **đúng**?

A. Nếu *(P)* và *(Q)* cùng cắt a thì *(P)* song song với *(Q)*.

B. Nếu *(P)* và *(Q)* cùng song song với a thì *(P)* song song với *(Q)*.

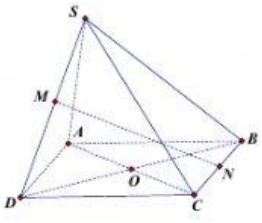
C. Nếu *(P)* song song với *(Q)* và a nằm trong mp (P) thì a song song với (Q).

D. Nếu *(P)* song song với *(Q)* và a cắt (P) thì a song song với (Q).

Câu 17. Cho hình chóp S. ABCD đáy là hình bình hành, tâm O.

Các điểm M, N lần lượt là trung điểm của SD, BC.

Tìm mệnh đề **đúng** trong các mệnh đề sau ?



A. $(MNC)\,//\,(SAB)$.

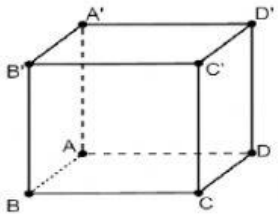
B. $(MNO)\,//\,(SAC)$.

C. $(MNC)\,//\,(SCD)$.

D. $(MNO)\,//\,(SAB)$.

LIVEWORKSHEETS

Câu 18. Cho hình lập phương $ABCD.A'B'C'D'$.

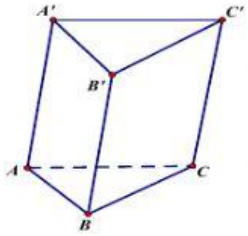


Đẳng thức nào sau đây **sai**?

A. $\overrightarrow{AB} = \overrightarrow{AD}$. **B.** $\left|\overrightarrow{AB}\right| = \left|\overrightarrow{BC}\right|$.

C. $\overrightarrow{CB} + \overrightarrow{CD} = \overrightarrow{CA}$. **D.** $\overrightarrow{BA} + \overrightarrow{BC} + \overrightarrow{BB'} = \overrightarrow{BD'}$.

Câu 19. Cho hình lăng trụ $ABC.A'B'C'$. Đặt $\overrightarrow{BA} = \vec{a}, \overrightarrow{BB'} = \vec{b}, \overrightarrow{BC} = \vec{c}$.



Khẳng định nào sau đây **đúng**?

A. $\overrightarrow{AC'} = \vec{a} + \vec{b} - \vec{c}$. **B.** $\overrightarrow{AC'} = -\vec{a} + \vec{b} - \vec{c}$.

C. $\overrightarrow{AC'} = -\vec{a} + \vec{b} + \vec{c}$. **D.** $\overrightarrow{AC'} = \vec{a} + \vec{b} + \vec{c}$

Câu 20. Trong không gian cho đường thẳng Δ và điểm O. Có bao nhiêu đường thẳng qua O và vuông góc với đường thẳng Δ?

A. Vô số. **B.** 2. **C.** 1. **D.** 3.

Câu 21. Cho hình chóp $S.ABCD$ có tất cả các cạnh đều bằng nhau. Góc giữa hai đường thẳng SB và CD bằng

A.. 45^0. **B.** 60^0. **C.** 120^0. **D.** 90^0

---------- **HẾT** ----------

LIVEWORKSHEETS